

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở XÃ THIỆU NGUYÊN, HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

MAI VĂN CHÂN

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

NGUYỄN VĂN THÁI

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

Tóm tắt: Lao động là hoạt động chính của con người, cũng là nguồn gốc, động lực của sự phát triển xã hội bởi bằng lao động và thông qua nó, vật chất và các giá trị tinh thần khác được tạo ra. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, các vấn đề về nông nghiệp nông thôn, trong đó có giải quyết việc làm cho người lao động luôn là vấn đề được quan tâm. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quy mô dân số và nguồn lao động lớn đã gia tăng áp lực lên giải quyết việc làm của xã Thiệu Nguyên. Áp lực nói trên diễn ra trong không gian kinh tế có quy mô nhỏ bé, phát triển phiến diện với vai trò chủ đạo của sản xuất nông nghiệp và người lao động vẫn còn chưa được trang bị những kiến thức chuyên môn, kĩ thuật phù hợp để đáp ứng yêu cầu của sản xuất và thích nghi với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế hiện nay.

Từ khóa: Thực trạng, giải pháp, việc làm, lao động nông thôn, Thiệu Nguyên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Con người, cụ thể hơn là nguồn nhân lực vừa là chủ thể vừa là mục tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế. Xét ở cả hai khía cạnh trên, tạo và giải quyết việc làm cho người lao động đều có ý nghĩa quan trọng, một là giúp họ tham gia vào các quá trình sản xuất xã hội cũng là yêu cầu của sự phát triển, là điều kiện cơ bản cho sự tồn tại, phát triển của con người và hơn thế nữa, mục tiêu của sự phát triển suy cho cùng là nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người, mà mục tiêu đó chỉ có thể đạt được khi nguồn nhân lực thực sự phù hợp và tác động tích cực tới sự phát triển. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đã xác định giải quyết việc làm là nhân tố quyết định trong “Giải quyết việc làm là yếu tố quyết định để phát huy nhân tố con người, ổn định và phát triển kinh tế, làm lành mạnh xã hội, đáp ứng nguyện vọng chính đáng và yêu cầu bức xúc của nhân dân”. Trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, bên cạnh những bước chuyển mình trên nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của nhân dân, xã Thiệu Nguyên cũng đang đối diện với nhiều vấn đề, trong đó tạo việc làm cho lao động, đặc biệt là lao động trẻ là vấn đề mấu chốt và nan giải nhất. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu các giải pháp giải quyết việc làm cho lao động của địa phương càng có ý nghĩa quan trọng, hướng đến tạo ra nhiều việc làm, giảm thời gian nhàn rỗi, qua đó góp phần ổn định đời sống

và nâng cao thu nhập cho người dân, tiến tới giảm khoảng cách giàu nghèo đang ngày càng tăng lên so với khu vực thành thị.

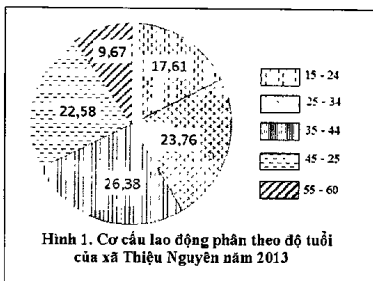
2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng lao động và việc làm của xã Thiệu Nguyên

2.1.1. Thực trạng lao động

- Về số lượng và độ tuổi

Địa bàn nghiên cứu có số người trong độ tuổi lao động chiếm tỷ lệ cao. Tổng số lao động năm 2013 là 5030 lao động, chiếm trên 57% dân số của xã và mỗi năm được bổ sung thêm trung bình khoảng 100 người. Hình 1 cho thấy, lực lượng lao động của xã khá đồng đều theo các độ tuổi, trong đó đông nhất ở độ tuổi 35-44 tuổi với hơn 26% tổng số lao động. Các độ tuổi còn lại, từ 15-24 tuổi chiếm 17,61% với 885 lao động, từ 25-34 tuổi chiếm 23,76% với 1195 lao động, từ 45-54 tuổi có 1135 lao động chiếm 22,58 % và độ tuổi từ 55-60 chiếm tỉ lệ nhỏ nhất với 9,67% [1]. Lực lượng lao động (LLLĐ) đồng và được bổ sung hàng năm là cơ sở quan trọng để đáp ứng trước hết là về mặt số lượng cho nhu cầu nhân lực để phát triển ngành kinh tế của xã. Nhưng cũng có thể thấy rằng, áp lực trong giải quyết việc làm cũng vì thế sẽ tăng lên, đây là một trong những thách thức lớn trong bối cảnh hoạt động kinh tế chủ yếu ở địa bàn nghiên cứu là sản xuất nông nghiệp.



Hình 1. Cơ cấu lao động phân theo độ tuổi của xã Thiệu Nguyên năm 2013

- Về giới tính và ngành nghề

Trong cơ cấu lao động phân theo giới tính, tỉ lệ lao động nữ chiếm cao hơn so với lao động nam, tuy nhiên mức chênh lệch là không đáng kể (51,39% so với 48,61%) [2]. Điều này cũng tạo điều kiện để cân đối các ngành nghề ở địa phương, phát triển các ngành nghề đa dạng, phù hợp với đặc điểm lao động theo giới.

Trong khi đó, xét ở khía cạnh ngành, tỉ lệ lao động có sự chênh lệch lớn. Hình 2.2 cho thấy, đại bộ phận lao động ở địa bàn nghiên cứu tham gia sản xuất nông nghiệp với tỉ lệ luôn chiếm trên 80%. (Năm 2010: 85,95%, năm 2013: 81%). Ngược lại, hai ngành tiểu thủ công nghiệp - xây dựng (TTCN-XD) và dịch vụ - thương mại (DV-TM) chiếm một tỉ lệ nhỏ, tuy nhiên có dấu hiệu tăng lên khá nhanh qua các năm. Cụ thể, năm 2010 có 587 lao động TTCN-XD chiếm 12,5%, năm 2013 các con số trên tương

ứng là 754 lao động và chiếm 15%. Lao động DV-TM năm 2010 có 73 người chiếm 1,55%, năm 2013 có 201 lao động chiếm 4%.

Sự chênh lệch nói trên phản ánh sự mất cân đối trong cơ cấu ngành kinh tế của xã, trong đó ngành nông nghiệp vẫn là ngành chủ đạo. Nó cho thấy xã chưa thoát khỏi tình trạng thuần nông trong sản xuất và điều này chưa phù hợp với xu hướng chung trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước và xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.

Về trình độ học vấn, chuyên môn

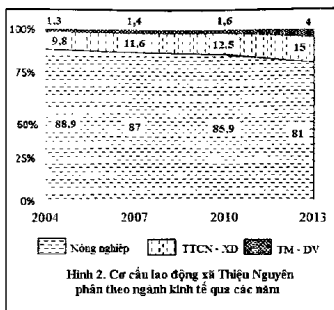
Trình độ học vấn của lao động ở địa bàn nghiên cứu ngày càng nâng cao. Số người tốt nghiệp trung học cơ sở và trung học phổ thông tăng lên, năm 2005 số người tốt nghiệp cấp trung học cơ sở là 1325 người chiếm 28,33%, đến năm 2013 là 1810 người chiếm 35,98%. Năm 2010, số người tốt nghiệp trung học phổ thông là 713 người chiếm 15,24%, đến năm 2013 là 905 người chiếm 17,99% LLLĐ [3]. Tuy nhiên, nếu chỉ xét trình độ văn hoá thì chưa phản ánh được chất lượng của lao động, bởi trong bất cứ ngành nghề nào kể cả nông nghiệp thì bên cạnh kiến thức, người lao động cần có kỹ năng, trình độ chuyên môn. Ở khía cạnh này, có thể thấy lao động tại địa bàn nghiên cứu hầu hết chưa qua đào tạo (năm 2013 tăng lên là 4051 người chưa qua đào tạo), sản xuất chủ yếu dựa vào thói quen và kinh nghiệm.

Tóm lại, chất lượng của lao động trong xã tuy có được cải thiện và ngày càng được nâng lên nhưng vẫn chưa đáp ứng yêu cầu và chưa theo kịp xu thế thay đổi trong thời kỳ mới. Nó cũng cho thấy công tác đào tạo lao động chưa đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển xã hội. Và hạn chế của lao động trong xã cũng là nguyên nhân làm năng suất lao động chưa cao, việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, sản xuất theo hướng chuyên môn hoá còn gặp nhiều hạn chế.

2.1.2. Thực trạng việc làm của lao động trong xã

- Tình trạng thiếu việc làm của lao động

Tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm của xã tương đối lớn. Lao động tập trung đa số vào nông nghiệp (có tính mùa vụ cao, phụ thuộc nhiều vào tự nhiên), thêm vào đó, bình quân diện tích canh tác trên đầu người thấp và ngày càng giảm chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng thiếu việc làm có xu hướng tăng lên. Năm 2010 số lao động thiếu việc làm là 2035, đến năm 2013 tăng lên 2265. Trong đó, ngành nông nghiệp là ngành



Hình 2. Cơ cấu lao động xã Thiệu Nguyên phân theo ngành kinh tế qua các năm

có số lượng lao động thiếu việc làm nhiều nhất. Năm 2010 có 1792 lao động thiếu việc làm, năm 2013 có 2109 lao động thiếu việc làm chiếm 93,11% so với tổng số lao động thiếu việc làm. Lao động thiếu việc làm chủ yếu tập chung vào nhóm tuổi 25-34 trong khi độ tuổi này có sức khỏe và có kinh nghiệm trong cuộc sống và nhu cầu lao động của họ là rất cao. Năm 2010 số lao động thiếu việc làm ở độ tuổi 25-34 tuổi là 642 người chiếm 31.55%, đến năm 2013 là 691 người chiếm 30.5% trong tổng số lao động thiếu việc làm.

- Tình hình sử dụng thời gian lao động của các lao động nông thôn

Điều tra tình hình sử dụng thời gian lao động tại xã cho thấy, mỗi ngành đều yêu cầu có sự phân bổ thời gian khác nhau và rất chênh lệch. Đối với sản xuất nông nghiệp thì đòi hỏi thời gian vào những giai đoạn thời vụ, như thời điểm trồng hoặc cây và thời điểm thu hoạch đòi hỏi nhiều thời gian lao động và nhiều lao động cho kịp thời vụ, nhưng trong giai đoạn sinh trưởng phát triển thì cần ít thời gian và công lao động. Chính vì vậy, lao động nông nghiệp thường thiếu việc làm vào giai đoạn cây phát triển và sinh trưởng và giai đoạn này thường kéo dài, dẫn đến thu nhập của lao động nông nghiệp thấp và không ổn định. Còn các ngành nghề khác như TTCN-XD, DV-TM thì có việc đều hơn, đòi hỏi người lao động phải làm việc thường xuyên. Do đó mà thu nhập của họ cao hơn lao động nông nghiệp.

Bảng 1. *Tình hình sử dụng thời gian làm việc của lao động tại các hộ điều tra của xã phân theo ngành nghề năm 2012*

Chỉ tiêu	Tính chung		Hộ khá		Hộ TB		Hộ nghèo	
	SLLĐ	Số ngày	SLLĐ	Số ngày	SLLĐ	Số ngày	SLLĐ	Số ngày
Ngành nông nghiệp	63	205	12	221	23	213	32	198
Ngành TTCN- XD	31	253	13	264	18	242	0	0
Ngành DV- TM	16	239	7	252	9	226	0	0
Tổng lao động	110	232	20	248,8	55	227,3	35	179,2

Tính chung số ngày công lao động của ngành nông nghiệp là thấp nhất chỉ có 205 ngày công, còn ngày công của ngành TTCN-XD là 253 ngày công và ngành DV-TM là 239 ngày công. Điều này cho thấy trong các hộ có mức sống khác nhau thì sử dụng thời gian lao động khác nhau, ở hộ khá số ngày công lao động trong nông nghiệp cũng cao hơn các hộ khác. Số ngày công lao động nông nghiệp trong hộ khá là 221 ngày, hộ trung bình là 213 ngày, hộ nghèo là 198 ngày. Số ngày công ngành TTCN-XD trong hộ khá là tương đối cao, số ngày công là 264 ngày, ngày công lao động TTCN-XD trong hộ trung bình là 242 ngày và ngành DV-TM thì ngày công của lao động trong hộ khá cũng cao hơn cả, số ngày công trong hộ khá là 252 ngày, hộ trung bình là 226 ngày. (Hộ khá hay trung bình trong mỗi ngành nghề được xét dựa vào so sánh với thu nhập ở mức bình quân. Nếu thu nhập cao hơn mức bình quân được gọi là hộ khá, ngang mức bình quân là hộ trung bình và dưới mức bình quân là hộ nghèo).

2.1.3. Thu nhập của lao động nông thôn theo các ngành nghề

Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm hộ phi nông nghiệp đạt số ngày công cao nhất và thu nhập/1 ngày công của lao động TTCN-XD đạt 70.000đ/ngày công, thu nhập/lao động/năm đạt 25.550.000đ, lao động TM-DV đạt 60.000đ/ngày công, thu nhập/lao động/năm đạt 21.900.000đ còn lao động nông nghiệp đạt 30.000đ/ngày công, thu nhập/lao động/năm đạt 10.950.000đ. Ngay trong cùng nhóm hộ cũng có sự chênh lệch. Điều này nói lên trình độ tổ chức, quản lý sản xuất khác nhau trong các hộ gia đình. So sánh cho từng ngành nghề thì ngành nông nghiệp vẫn cho thu nhập/lao động là thấp nhất, thu nhập của ngành TTCN-XD và DV-TM cao hơn nhiều so với ngành nông nghiệp. Do thu nhập của nông nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện tự nhiên còn thu nhập của TTCN-XD và DV-TM phụ thuộc chủ yếu vào thị trường và trình độ quản lý của lao động. Ngành nông nghiệp chiếm nhiều lao động nhất lại có thu nhập thấp nhất trong các ngành ở nông thôn. Đây là hạn chế phổ biến ở nông thôn mà trong thời gian tới chúng ta cần có biện pháp để tăng thu nhập lao động ở nông thôn nói chung và lao động nông nghiệp nói riêng. Riêng trong nhóm hộ làm nông nghiệp: Ngày công của lao động nông nghiệp trong hộ khá đạt 40.000đ, hộ trung bình đạt 30.000đ/ngày công và hộ nghèo chỉ đạt 20.000đ/ngày công. Vì vậy mà thu nhập của lao động/năm của lao động thuộc các hộ trung bình và hộ yếu thấp hơn nhiều so với hộ khá. Thu nhập/lao động/năm của nhóm hộ khá là 14.600.000đ, thu nhập/lao động/năm của lao động của nhóm hộ trung bình là 10.950.000đ và thu nhập/lao động/năm của lao động trong hộ nghèo là 7.200.000đ.

2.2. Đề xuất giải pháp giải quyết việc làm cho lao động nông thôn trong xã

2.2.1. Tăng cường chất lượng lao động bằng các chương trình đào tạo

Để thực hiện mục tiêu đào tạo nghề trong từng giai đoạn đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó cần tập trung thực hiện một số giải pháp quan trọng chủ yếu sau:

1) Tăng cường củng cố và đầu tư cho công tác đào tạo và dạy nghề

UBND xã cần phải có phương án đầu tư bằng nguồn ngân sách để xây dựng một trung tâm dạy nghề và hướng nghiệp có đầy đủ các lớp học, xưởng thực tập... để dạy nghề và truyền nghề cho người lao động. Trước mắt khi chưa có đủ các lớp học thì cần tận dụng các cơ sở sản xuất của các xưởng sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hội trường HTX để dạy nghề, truyền nghề tại chỗ cho người lao động.

Thiết lập các mối quan hệ về đào tạo và dạy nghề với các trường đóng trên địa bàn xã. Cần phải nghiên cứu và mở các lớp đào tạo nghề ngắn hạn và dài hạn phù hợp với hoàn cảnh của người lao động trên địa bàn xã, nhất là phù hợp với trình độ chuyên môn và khả năng phát triển trên địa bàn. Trước mắt, xã chưa thể thỏa mãn ngay được nhu cầu đào tạo và học nghề của người lao động, vì vậy hàng năm phải xây dựng kế hoạch tuyển học viên một cách cụ thể.

2) Có chính sách khuyến khích người dạy nghề, truyền nghề và người học nghề

Cần xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách khuyến khích tất cả các hình thức tập trung, phân tán hay tự học nghề ở gia đình thợ lành nghề. Giúp đỡ người lao động sau khi học nghề tự khởi tạo việc làm cho họ. Cần phải dành nguồn ngân sách nhất định để đầu tư mở các lớp dạy nghề miễn phí cho các đối tượng có trình độ chuyên môn thấp như con các hộ nghèo và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để giúp họ vươn lên trong cuộc sống.

2.2.2. Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế nông thôn

Một là, phát triển kinh tế hộ gia đình và kinh tế trang trại. Đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ ở xã trong tất cả các lĩnh vực, ngành hoạt động mà kinh tế hộ có thể tham gia. Kinh tế hộ đã được xác định là những đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất nông-nghư nghiệp. Theo thời gian, kinh tế hộ đã đổi mới và chứng tỏ khả năng phát triển không chỉ chủ trọng sản xuất kinh doanh nông-nghư nghiệp mà còn mở rộng ra các lĩnh vực hoạt động khác, mặc dù quy mô nhỏ và tính ổn định chưa cao. Có chính sách hỗ trợ thích hợp cho sự phát triển của kinh tế hộ như chính sách đất đai, thuế tín dụng, khoa học công nghệ và thị trường tiêu thụ sản phẩm... Phát triển kinh tế hộ cần hướng vào thúc đẩy hình thành các loại hình thức tổ chức sản xuất hàng hóa theo quy mô kinh tế trang trại, dựa trên lợi thế của từng thôn và có thể sử dụng nhiều lao động trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp [3].

Hai là, phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở xã. Doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng vai trò hết sức quan trọng trong tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và tăng kim ngạch xuất khẩu, tạo sự phân công lao động mới trong nông nghiệp, nông thôn, giữ gìn và phát triển các ngành nghề truyền thống thể hiện nét đặc thù riêng của từng nơi, phát huy và tận dụng các nguồn lực ở địa phương. Góp phần giải quyết việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, giúp giải quyết nhiều vấn đề phức tạp đặc biệt nổi cộm lên ở xã Thiệu Nguyên trong quá trình phát triển. Kinh nghiệm các nước trên thế giới cho thấy sự thành đạt về kinh tế- xã hội của mỗi quốc gia phụ thuộc rất lớn vào sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong giai đoạn đầu của nền kinh tế thị trường. Để phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ở địa bàn xã Thiệu Nguyên cần tập trung giải quyết các vấn đề sau:

- + Tạo lập môi trường pháp lý thuận lợi cho các doanh nghiệp yên tâm làm ăn và đầu tư xây mở rộng sản xuất trên địa bàn.
- + Hoàn thiện các thủ tục về đất đai, các quyền sử dụng và chuyển nhượng đất đai.
- + Tăng cường cung cấp tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, áp dụng chế độ ưu đãi đầu tư theo Nghị định 43 và 51/CP.
- + Đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu ứng dụng khoa học tiến bộ trong các ngành chế biến và tiêu thụ công nghiệp và một số ngành cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và tiêu thụ công nghiệp để nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm.

+ Hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo điều kiện hình thành và mở rộng nhiều doanh nghiệp trên địa bàn xã.

Ba là, phát triển hợp tác xã ngành nghề. Trong những năm qua, cùng với việc chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, các hợp tác xã ngày càng phát triển và có đóng góp đáng kể vào tạo việc làm cho lao động nông thôn. Các hợp tác xã này đã giải quyết việc làm cho hàng trăm lao động nhất là việc làm cho gia đình nghèo, thiếu vốn và dư thừa lao động, với trình độ công nghệ hợp lý, vốn đầu tư không lớn mà hiệu quả lại cao. Để các HTX này hoạt động thuận lợi, có hiệu quả, có thể thu hút được nhiều người tham gia, chính quyền xã cần có chính sách khuyến khích và trợ giúp cho sự phát triển của hình thức tự giúp nhau làm kinh tế này.

Bốn là, tạo điều kiện để phát triển các ngành nghề truyền thống và các ngành nghề mới ở nông thôn. Phát triển ngành nghề phi nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp là một trong các hướng chủ yếu để tạo việc làm cho lao động trong xã. Trong xã ngoài một số nghề phân tán ở các gia đình như nghề mộc, nghề đan cọt, nghề làm bánh đa... thì hiện có một nghề mới xuất hiện tập trung được bà con làm một cách chuyên nghiệp theo dây chuyền, đó là nghề thêu tranh mỹ nghệ. Từ khi nghề này xuất hiện đã giải quyết được một số việc làm cho bà con trong xã. Tuy nhiên nó vẫn chưa được đầu tư phát triển mạnh. Vì vậy, trong thời gian tới ngoài việc tiếp tục phát triển các nghề cũ, nghề thêu tranh thì xã cần phát triển thêm một số ngành nghề mới để giúp bà con có công việc trong những lúc nông nhàn nhằm hạ thấp tỉ lệ thiếu việc làm và tăng thu nhập cho nông dân.

Về đào tạo, hệ thống dạy nghề trong toàn xã phải được nâng cấp đồng bộ với quy hoạch mạng lưới của toàn Huyện. Gắn kết việc dạy nghề, chuyển nghề đối nghề giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, đào tạo nghề theo địa chỉ. Trong đó quan tâm tới LLD trẻ nông thôn.

Khai thác kết hợp các nguồn vốn từ chương trình, dự án: khuyến nông, khuyến công, khoa học công nghệ, phổ cập trung học và nghề, tín dụng ưu đãi.

3. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết luận

Lực lượng lao động của xã Thiệu Nguyên tương đối đồng, tập trung trong độ tuổi từ 25-34 tuổi và phân bố không đồng đều trong các ngành, chủ yếu tập trung vào nông nghiệp. Chất lượng lao động nhìn chung thấp, tình trạng thiếu việc làm vẫn còn phổ biến. Lao động trong xã thiếu việc làm là do chất lượng lao động thấp, chưa qua đào tạo, lao động chủ yếu là dựa vào kinh nghiệm được truyền lại qua các thế hệ, chủ yếu là lao động giản đơn. Trong xã ít ngành nghề phụ, diện tích đất canh tác trên mỗi lao động ít và ngày càng bị thu hẹp.

3.2. Kiến nghị

Đối với chính quyền xã, cần tích cực điều tra, thống kê về tình trạng thất nghiệp, thiếu việc làm về đời sống vật chất cũng như tinh thần của người lao động để kịp thời tìm ra các

biện pháp hợp lý. Bên cạnh đó, cần phải tăng cường tuyên truyền tới từng hộ gia đình nhằm nâng cao trình độ chuyên môn bằng cách tham gia vào các trung tâm đào tạo, dạy nghề trên địa bàn. Đối với người dân: mỗi một cá nhân, hộ gia đình trong xã phải cần nhận thức được tầm quan trọng của việc làm và tham gia các khóa đào tạo nghề và tự tạo cho mình một nghề dễ nâng cao thu nhập cho cá nhân, hộ gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phòng Thống kê huyện Thiệu Hóa (2013). *Niên giám thống kê năm 2009 – 2013*, Thiệu Hóa.
- [2] UBND xã Thiệu Hóa (2005 - 2012). *Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch nhà nước, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế qua các năm*, Thiệu Hóa.
- [3] UBND xã Thiệu Hóa (2011). *Thuyết minh tổng hợp Đề án Xây dựng nông thôn mới xã Thiệu Hóa giai đoạn 2011 - 2020*, Thiệu Hóa.

Title: SITUATION AND SOME SOLUTIONS FOR SOLVING RURAL LABOR IN THIEU NGUYEN COMMUNE, THIEU HOA DISTRICT, THANH HOA PROVINCE

Abstract: Labor is the main activity of the people, as well as the origin, dynamics of social development by working with and through it, the material and the other spiritual values are created. In the process of industrialization and modernization of the current issues in agriculture and rural areas, including employment for workers is always a matter of concern. The study results showed that the population size and big labor has increased pressure on employment Thieu Nguyen commune. Pressure above took place in the economic space small-scale, one-sided development with the key role of agriculture and workers are still not equipped with the expertise, technical compliance to meet the requirements of production and adapt to the economic restructuring now.

Keywords: Situation, solution, employment, rural labor, Thieu Nguyen

ThS. MAI VĂN CHÂN

Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế

ThS. NGUYỄN VĂN THÁI

Khoa Địa lý, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng